TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2022/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 358/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Phan Thị Bé T, sinh năm 1989; địa chỉ: số 461 ấp 6, xã T, huyện G, tỉnh B

- *Bị đơn*: anh Dương Văn U, sinh năm 1988; địa chỉ: số 461 ấp 6, xã T, huyện G, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Bé T và anh Dương Văn U. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 (Quyển 01) ngày 09/01/2009 của UBND xã Q, huyện T, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Dương Quốc K sinh ngày 31/5/2010

Giao Dương Quốc K sinh ngày 31/5/2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị T, anh U khai có 01 (một) căn nhà nhưng hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết do có nguyện vọng sau này để lại cho con chung.

- Về nợ chung: chị T, anh U khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50%: ghi nhận việc chị Phan Thị Bé T tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002233 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Phan Thị Bé T theo biên lai như trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên